| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 86/2019/DS-PT
Ngày: 24 - 01 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Ánh

*Các Thẩm phán*: Ông Dương Tuấn Vinh

Bà Huỳnh Tuyết Mai

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Thức – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Đào Thị Xuân Hồng - Kiểm sát viên.

Vào ngày 24/01/2019, tại Phòng xử án dân sự - Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 605/2018/TLPT-DS ngày 29 tháng 11 năm 2018 về: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 507/2018/DS-ST ngày 24/10/2018 của Tòa án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6312/2018/QĐ-PT ngày 24 tháng 12 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 157/2019/QĐ-PT ngày 08/01/2019, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Bà **Vương Bội B**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Đường D, phường E, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

*2. Bị đơn*: Bà **Huỳnh Thị Xuân C**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Đường H, Phường I, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

*3. Người kháng nghị*: Viện Kiểm sát nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(*Bà B có đơn xin vắng mặt, bà C vắng mặt không có lý do*).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện ngày 27/03/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Vương Bội B trình bày:*

Ngày 01/7/2015, bà B ký hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm tại Văn phòng công chứng BH, Thành phố Hồ Chí Minh (số công chứng 010805, quyển số 07) với bà Huỳnh Thị Xuân C. Theo nội dung của hợp đồng thì bà B cho bà C vay số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng, thời hạn vay từ ngày 01/7/2015 đến ngày 01/7/2016, lãi suất vay do hai bên tự thỏa thuận nhưng không vượt quá 150% lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà nước công bố với loại vay tương ứng. Ngoài ra bà B khai, khi vay tiền bà C có thế chấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tọa lạc tại số 33B, Khu phố K, phường HT, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên bà Trịnh Thị M. Bà B đã giao cho bà C nhận đủ số tiền vay 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng, về lãi suất thì hai bên thỏa thuận miệng mỗi tháng bà C sẽ trả cho bà B số tiền lãi là 6.000.000 đồng/tháng (lãi suất 3%/tháng), bà C đã trả cho bà B 16 tháng tiền lãi với số tiền là 96.000.000 (chín mươi sáu triệu) đồng. Nay bà B yêu cầu bà C phải trả 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng tiền gốc và tiền lãi của 16 tháng là 96.000.000 (chín mươi sáu triệu) đồng. Tổng cộng là 296.000.000 (hai trăm chín mươi sáu triệu) đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn là bà Huỳnh Thị Xuân C không đến Tòa án để tham gia tố tụng và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi cho Tòa án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 507/2018/DS-ST ngày 24/10/2018 của Tòa án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử như sau:

*1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:*

*- Buộc bà Huỳnh Thị Xuân C phải trả bà Vương Bội B số tiền 193.475.000đ (một trăm chín mươi ba triệu bốn trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng từ Hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm được giao kết tại Văn phòng công chứng BH, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 01 tháng 7 năm 2015 có số công chứng: 010805, quyển số: 07, thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.*

*Kể từ ngày bà B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà C chưa trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bà C còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.*

*2/ Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Xuân C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.673.750đ (chín triệu sáu trăm bảy mươi ba ngàn bảy trăm năm mươi) đồng; nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.800.000đ (bốn triệu tám*

*trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng mà nguyên đơn đã nộp, hoàn lại cho bà Vương Bội B số tiền 2.600.000 đồng theo biên lai thu số: AA/2017/0028866 ngày 02 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận A.*

*Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.*

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự cũng như các quy định về thi hành án dân sự.

Ngày 09/11/2018, Viện Kiểm sát nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định số 09/QĐ-KNPT- DS, kháng nghị một phần bản án dân sự sơ thẩm. Ngày 05/01/2019, Viện Kiểm sát nhân dân quận A ban hành Quyết định sửa chữa kháng nghị phúc thẩm số 09/QĐ-SCBSKN, sửa chữa ngày ban hành quyết định kháng nghị từ 09/11/2018 sang 08/11/2018 do sai sót khi đánh máy.

Ngày 12/11/2018, Tòa án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 241/2018/QĐ-SCBSBA, về việc sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 507/2018/DS-ST ngày 24/10/2018, nội dung:

- Tại dòng thứ 8 từ trên xuống tại trang 5 của bản án đã ghi: "96.000.000 đồng x 5% = 4.800.000 đồng", nay sửa thành: "102.525.000 đồng x 5% = 5.126.250 đồng".

- Tại dòng thứ 02,03 từ trên xuống tại trang 6 của bản án đã ghi: "4.800.000 đ (bốn triệu tám trăm ngàn đồng)". Nay sửa chữa, bổ sung như sau: "5.126.250 đ (năm triệu một trăm hai mươi sáu ngàn hai trăm năm mươi đồng)".

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Nguyên đơn – bà Vương Bội B có ý kiến đề nghị Tòa án đưa bà Trịnh Thị M – người đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 1439 do Ủy ban nhân dân Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/03/2003 vào tham gia tố tụng trong vụ án, vì bản chính giấy tờ này bị đơn giao cho bà để đảm bảo cho số tiền bị đơn vay của bà, đồng thời bà có đơn xin vắng mặt trong quá trình cấp phúc thẩm giải quyết vụ án.

Bị đơn là bà Huỳnh Thị Xuân C đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân quận A; đồng thời phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm như sau:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hình thức: Quyết định kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh làm trong thời hạn luật định.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Vương Bội B, số tiền không được chấp nhận là 102.525.000 đồng, nhưng sơ thẩm lại tuyên bà B chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 96.000.000 đồng là 4.800.000 đồng là không đúng. Mặt khác, bản án sơ thẩm áp dụng mức lãi suất 1,125%/tháng kể từ ngày 01/7/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm là chưa đúng, vì hợp đồng vay giữa các đương sự là loại hợp đồng vay có thời hạn, có lãi, nên mức lãi suất này chỉ áp dụng trong thời hạn vay, ngoài thời hạn vay lãi suất tính theo lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ. Từ nhận định trên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét thấy kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận A là có căn cứ, nên đề nghị chấp nhận.

Tuy nhiên, để đảm bảo cho việc giải quyết toàn vẹn vụ án thì cần thiết phải đưa bà Trịnh Thị M – người đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 1439 do Ủy ban nhân dân Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/03/2003 (nhà, đất số 33B, Khu phố K, phường HT, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh) vào tham gia tố tụng; bởi lẽ bản chính giấy tờ nhà đất này do bà C giao cho bà B để đảm bảo cho khoản nợ giữa hai bên, khi giải quyết quan hệ vay tài sản thì cần phải xem xét đến giấy tờ các bên đã giao nhận cho nhau để đảm bảo cho khoản vay đó. Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị hủy bản án sơ thẩm, giao về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại toàn bộ vụ án, đưa bà Trần Thị M vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải nộp.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Ngày 24/10/2018, Tòa án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm; đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh có mặt tại phiên tòa. Tại hồ sơ vụ án do cấp sơ thẩm chuyển lên, thì Quyết định kháng nghị số 09/QĐ-KNPT- DS của Viện Kiểm sát nhân dân quận A đề ngày 09/11/2018, Tòa án đóng dấu công văn đến ngày 09/11/2018. Theo bản tường trình ngày 05/01/2019 của bà Nguyễn Thị N là thư ký Tòa án nhân dân quận A, thì bà đã nhận quyết định kháng nghị số 09/QĐ-KNPT- DS của Viện kiểm sát nhân dân quận A vào chiều ngày 08/11/2018, nhưng sáng ngày 09/11/2018 bà mới giao quyết định này cho bộ phận văn phòng tòa án, nên dấu công văn đến đề ngày 09/11/2018 (đính kèm xác nhận chữ ký trên bản lưu tại Viện kiểm sát nhân dân quận A là của bà). Ngày 05/01/2019, Viện Kiểm sát nhân dân quận A có quyết định

sửa chữa kháng nghị phúc thẩm số 09/QĐ-SCBSKN, theo đó do sai sót khi đánh máy nên Quyết định kháng nghị số 09/QĐ-KNPT- DS ghi ngày 09/01/2018, nay sửa lại thành 08/11/2018. Căn cứ các tài liệu nói trên cho thấy, Viện kiểm sát nhân dân quận A đã ban hành Quyết định kháng nghị số 09/QĐ-KNPT- DS vào ngày 08/11/2018 và đã giao quyết định này cho tòa án cùng ngày 08/11/2018; quyết định kháng nghị được thực hiện trong thời hạn quy định tại Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự, hợp lệ nên chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về nội dung: Xét kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân quận A kháng nghị một phần bản án dân sự sơ thẩm và đề nghị sửa án sơ thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Bị đơn là bà Huỳnh Thị Xuân C đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng bà C vẫn vắng mặt không có lý do, không có văn bản ghi lời khai gửi cho Tòa án. Có nghĩa là, bà C đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên bà C phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử lấy yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: "Hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm" lập ngày 01/7/2015 tại Văn phòng công chứng Bảy Hiền (số công chứng: 010805, Quyển số: 07), tờ giấy tay lập ngày 01/7/2015 cùng lời khai của bà B, có căn cứ xác định giữa bà Vương Bội B và bà Huỳnh Thị Xuân C có giao kết với nhau hợp đồng vay tài sản ngày 01/7/2015, số tiền vay là 200.000.000 (hai trăm triệu đồng), hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 6.000.000đồng/tháng (tức 3%/tháng), thời hạn vay từ ngày 01/7/2015 đến 01/7/2016. Hợp đồng vay được giao kết vào năm 2015 và thời hạn vay đã hết, nên pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án này là Bộ luật dân sự 2005.

Xét, tuy nguyên đơn không cung cấp được biên bản giao nhận số tiền vay, nhưng theo lời khai của bà B và tờ giấy tay lập ngày 01/7/2015 (bút lục 39), có căn cứ xác định bà B đã giao số tiền vay này cho bà C, nên bà C đã giao cho bà B bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 1439 do Ủy ban nhân dân Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/03/2003 cho bà Trịnh Thị M, sinh năm 1951 (nhà, đất số 33B, Khu phố K, phường HT, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh). Nay bà B khởi kiện yêu cầu bà C trả nợ là có căn cứ.

Theo nguyên đơn – bà Vương Bội B thừa nhận, thì bà đã nhận của bà C 16 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 96.000.000 (chín mươi sáu triệu) đồng, bà C chưa trả nợ gốc cho bà. Điều này có nghĩa là, mức lãi suất hai bên thỏa thuận miệng và thực hiện là 3%/tháng, hợp đồng vay giữa hai bên là loại hợp đồng vay có thời hạn và có lãi.

Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 476 và Khoản 5 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005, thì lãi suất trong hạn không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng, còn lãi nợ quá hạn tính theo lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ. Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, thì lãi suất cơ bản áp dụng từ ngày 01/12/2010 là 9%/năm. Như vậy, lãi suất trong thời hạn vay từ ngày 01/7/2015 đến ngày 01/7/2016 (12 tháng) được tính trên số tiền nợ gốc với mức lãi suất 1,125%/tháng (9%/năm x 150%), nhưng hai bên thỏa thuận và thực hiện với mức lãi suất 3%/tháng là vượt quá mức lãi suất theo quy định nói trên, nên cấp sơ thẩm điều chỉnh mức lãi suất trong thời hạn vay xuống còn 1,125%/tháng là đúng quy định. Đối với lãi suất nợ quá hạn từ ngày 02/7/2016 đến ngày 24/10/2018 (ngày xét xử sơ thẩm) là 27 tháng 23 ngày, được tính trên số tiền nợ gốc với mức lãi suất cơ bản là 9%/năm, nhưng cấp sơ thẩm lại tính gộp chung lãi trong hạn và lãi quá hạn với mức lãi suất 1,125%/tháng từ ngày vay 01/7/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm (24/10/2018) là không đúng với các quy định đã trích dẫn nói trên, nên kháng nghị về cách tính lãi suất của Viện Kiểm sát nhân dân quận A là có căn cứ chấp nhận.

Đối với nội dung kháng nghị về phần án phí, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà B khởi kiện yêu cầu bà C phải trả nợ gốc và lãi với tổng số tiền 296.000.000 đồng, cấp sơ thẩm chấp nhận 193.475.000 đồng, nên số tiền không được chấp nhận là: 102.525.000 đồng và bà B phải chịu án phí trên số tiền này, nhưng cấp sơ thẩm tính án phí cho bà B trên số tiền 96.000.000 đồng là không đúng quy định tại Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mặc dù cấp sơ thẩm đã ban hành Quyết định số 241/2018/QĐ-SCBSBA sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 507/2018/DS-ST ngày 24/10/2018 về phần án phí, nhưng quyết định này được ban hành sau ngày có quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận A nên không được chấp nhận. Vì vậy, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận A về phần án phí là có căn cứ chấp nhận.

Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – bà Vương Bội B khai, bà đang giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 1439 do Ủy ban nhân dân Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/03/2003 cho bà Trịnh Thị M, sinh năm 1951 (nhà, đất số 33B, Khu phố 2, phường Hiệp Thành, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh); giấy này do bà Huỳnh Thị Xuân C giao cho bà để đảm bảo cho số nợ vay. Lời khai này của bà B phù

hợp với tờ giấy viết tay đề ngày 01/7/2015 giữa bà C và bà B, nội dung xác nhận bà C thế chấp bản chính giấy chứng nhận giấy tờ nhà đất mang tên bà Trịnh Thị M nói trên cho bà B để vay số tiền 200.000.000 đồng theo hợp đồng lập tại Văn phòng công chứng BH (bút lục số 39). Tại cấp phúc thẩm, bà B xuất trình bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 1439 và giấy viết tay ngày 01/7/2015 để Tòa án đối chiếu và để chứng minh cho lời khai nói trên của bà; đồng thời bà đề nghị Tòa án đưa bà Trịnh Thị M vào tham gia tố tụng. Xét thấy, để giải quyết toàn vẹn vụ án, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự thì cần thiết phải đưa bà Trịnh Thị M vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nên đề nghị này của bà B là có căn cứ, nhưng cấp phúc thẩm không thể bổ sung được tại giai đoạn phúc thẩm. Vì vậy, cần phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao vụ án về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu tại phiên tòa.

Lưu ý, cấp sơ thẩm lấy các văn bản, tài liệu phôtô do nguyên đơn cung cấp (*Hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm lập ngày 01/7/2015 tại Văn phòng công chứng Bảy Hiền, tờ giấy tay lập ngày 01/7/2015 giữa bà B và bà C, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 1439 do Ủy ban nhân dân Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/03/2003 cho bà Trịnh Thị M*) để xem xét giải quyết vụ án mà không yêu cầu đương sự cung cấp bản sao có thị thực hoặc cung cấp bản chính để đối chiếu, là không đúng quy định tại Điều 95 của Bộ luật tố tụng dân sự, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải nộp.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh tại Quyết định kháng nghị số 09/QĐ-KNPT- DS ngày 09/11/2018 và Quyết định sửa chữa kháng nghị phúc thẩm số 09/QĐ-SCBSKN ngày 05/01/2019.

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 507/2018/DS-ST ngày 24/10/2018 của Tòa án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", giữa nguyên đơn là bà Vương Bội B và bị đơn là bà Huỳnh Thị Xuân

C; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử sơ thẩm lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận A, TP.HCM;
- Chi cục THADS quận A;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (T/25).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Thị Ánh**